| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 6 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đào Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông: Hà Long Biên

Bà: Ngô Thị Cần

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm: 1966; cư trú tại: Thôn 6, xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1986; cư trú tại: Khu 1, xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt bà Th; vắng mặt anh chị L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019 và tại bản tự khai ngày 11/3/2019, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ngày 15/5/2018 chị Nguyễn Thị L có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đến ngày 17/5/2018 chị L tiếp tục vay của bà số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Do mối quan hệ quen biết nên khi cho vay tiền bà không yêu cầu chị L viết giấy vay tiền. Đến ngày 21/8/2018, bà Th gặp chị L yêu cầu chị L trả

nợ số tiền đã vay, nhưng chị L trình bày do chưa thu xếp được tiền để trả nên chị L đã viết giấy vay tiền, số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 15/9/2018 chị L sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên cho bà Th. Hết hạn trả nợ bà Th đã yêu cầu chị L trả nợ, nhưng chị L vẫn cố tình không trả nợ như đã cam kết. Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả cho bà số tiền đã vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bà không yêu cầu chị L phải trả tiền lãi.

Tại phiên tòa bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2019, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 15/5/2018 chị có vay của bà Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), ngày 17/5/2018 chị tiếp tục vay của bà Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng số tiền hai lần vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Đến hạn trả nợ vào tháng 09/2018 chị trả cho bà Th được số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) còn lại chị khất nợ với bà Th sẽ trả sau. Nay chị xác định chỉ còn nợ bà Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nhưng hiện tại điều kiện kinh tế của chị khó khăn nên không trả ngay cho bà Th được, chị đề nghị để một thời gian sau chị sẽ thu xếp thanh toán cho bà Th.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự (Sau đây viết tắt là BLDS), chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền đã vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, do trong lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn nhau nên Tòa án đã thông báo về việc đối chất nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị L không có mặt nên không tiến hành đối chất được. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th để làm rõ các vấn

đề tranh chấp trong vụ án. Đây là các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành nên Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành được biết để VKSND tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị L không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Chị L cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về nội dung: Trong giấy vay tiền ngày 21/8/2018 chị Nguyễn Thị L có ghi vay của bà Th số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 15/9/2018. Chị L đã ký, ghi rõ họ và tên vào trong giấy vay tiền. Như vậy việc vay tiền là có thực, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, được thể hiện bằng văn bản. Đây là hợp đồng hợp pháp được chấp nhận.

Chị L trình bày tháng 9/2018 khi đến hẹn trả nợ, chị có trả cho bà Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), chị xác định chị chỉ còn nợ bà Thảo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tuy nhiên, chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc chị đã trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo cho chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho bà Th. Tuy nhiên, chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Từ những tài liệu nêu trên, khẳng định, chị L có vay của bà Th số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hiện chị L vẫn chưa trả nợ cho bà Th.

Về số tiền chị L phải trả cho bà Th: Bà Th yêu cầu chị L phải trả số tiền đã vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi suất. Yêu cầu của bà Th là đúng pháp luật. Nghĩ nên căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466 BLDS, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Th được chấp nhận, nên chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 466 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thảo số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L chưa thi hành, hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng chị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chưa thi hành xong, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 1.000.000 đ (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0003559 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoa.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Th, vắng mặt chị L. Bà Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Anh Đức**